

BẢN THUYẾT MINH

Các nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra của HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)

1. Các căn cứ thực hiện

- Căn cứ pháp lý:

+ Khoản 3, khoản 4 Điều 6, Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” có quy định: “*Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”; “*Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án tại địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách tại địa phương*”.

+ Khoản 5, Điều 20, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 có quy định: “*Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ*”.

- Căn cứ thực tiễn:

+ Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ mức độ 1. Tuy nhiên, số người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 còn nhiều (10.363 người, chiếm 4,48%, chủ yếu ở vùng đặc biệt khó khăn); số người tham gia các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ giai đoạn 2011-2020 chưa đạt mục tiêu là xóa mù chữ cho 5000 người; trong 5 năm từ 2017 đến 2021, toàn tỉnh chỉ mở được 39 lớp xoá mù chữ với 652 học viên (đặc biệt trong 2 năm gần nhất chỉ mở được 01 lớp với 10 học viên ở huyện Pác Nặm); phong trào xây dựng xã hội học tập ở một số địa phương chưa đi vào chiều sâu; hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng chưa thật sự hiệu quả, chưa phong phú, chưa thu hút được nhiều người dân tham gia...

+ Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 528/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Tuy nhiên, do chưa có quy định cụ thể về nội dung, mức chi đối với Đề án theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg nên các địa phương, đơn vị chưa có căn cứ áp dụng để quản lý, sử dụng kinh phí giai đoạn mới.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

2. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung và mức chi

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm.

b) Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương.

c) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng.

d) Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm: Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập; chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập.

đ) Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.

e) Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:

+ Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).

+ Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.

+ Chi hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ, sách giáo khoa dùng chung và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.

+ Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC.

+ Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

+ Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).

g) Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

i) Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025.

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Dự kiến kinh phí

a) Kinh phí chi thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập theo từng năm:

- Năm 2020 (đã chi): 1.152.948.831 đồng (*Kinh phí chi tiết năm 2020 theo phụ lục 1*).

- Năm 2021 (đã chi): 466.802.000 đồng (*Kinh phí chi tiết năm 2021 theo phụ lục 1*).

- Từ năm 2022 đến 2025 (dự kiến): 13.542.360.000 đồng (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2022-2025 theo phụ lục 2 và các phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8a, 8b, 8c, 8d*).

- Từ năm 2026 đến 2030 (dự kiến): 10.302.612.500 đồng (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2026-2030 theo phụ lục 11, 12, 13, 14, 15, 16 và các phụ lục 17a, 17b, 17c, 17d, 17e*).

Như vậy, kinh phí giai đoạn 2022-2023 tăng so với giai đoạn 2020-2021 là 6.209.196.669 đồng. Nguyên nhân kinh phí giai đoạn 2022-2023 tăng lên so với giai đoạn 2020-2021 là:

+ Số lớp xóa mù chữ tăng lên (giai đoạn năm 2020-2021 chỉ tổ chức được 01 lớp với 10 học viên, trong khi đó giai đoạn 2022-2023 tổ chức được 65 lớp với 1421 học viên) nên số tiền chi tăng (bình quân chi cho mỗi lớp xóa mù chữ là 75.700.000 đồng);

+ Các định mức chi tăng lên: cho công tác điều tra PCGD, XMC tăng lên, hỗ trợ học phẩm tăng, chi phụ cấp cho giáo viên, cán bộ quản lý tăng...;

+ Năm 2021, ngoài huyện Bạch Thông, các huyện/thành phố khác không được cấp kinh phí chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, cả tỉnh chỉ được cấp 60.872.000 chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, trong khi đó nếu cấp đủ thì số tiền chi cho công tác điều tra PCGD, XMC là 580.118.000 đồng.

Tuy nhiên, nếu sang giai đoạn 2026-2030 số lớp xoá mù chữ giảm đi (do số người mù chữ đã giảm ở giai đoạn 2021-2025) thì kinh phí chi cho công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục sẽ giảm (cứ giảm 01 lớp xoá mù chữ thì kinh phí sẽ giảm 75.700.000 đồng).

b) Riêng kinh phí chi hỗ trợ người dân tham gia học xoá mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC*), cụ thể:

Giai đoạn 2021-2025 (dự kiến): 4.212.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm mười hai triệu đồng*). (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2021-2025 theo phụ lục 9*).

Đây là nội dung hỗ trợ mới, trước đây người dân học xoá mù chữ chưa được hỗ trợ.

4.2. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách cấp tỉnh, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Các nội dung: “chi hỗ trợ người dân tham gia học xoá mù chữ”, “chi hỗ trợ học phẩm cho học viên, tài liệu học tập, sách giáo khoa, sổ sách theo dõi quá trình học tập, văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên”: chi từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (theo khoản 5 và khoản 6 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính);

- Các nội dung còn lại: chi từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

(*Kèm theo Biểu so sánh mức chi và các phụ lục kinh phí*).